

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuronne.

2. Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên toà: Ông Quách Văn Diễn-Thư ký Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Lâm Thanh Dũng-Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị B, sinh năm 1973 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ ấp P, xã A, **huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2017, các biên bản lấy lời khai của đương sự cùng ngày 25/8/2017 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án:

Vào năm 1991, bà Lê Thị B và ông Lê Văn N chung sống tự nguyện với nhau như vợ chồng, không có làm đám cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình sống có 03 con chung tên là Lê Hoàng Khải, sinh ngày 11/11/1993, Lê Nguyễn Khải Hoàng, sinh ngày 27/11/1996 và Lê Thị Anh T, sinh ngày 03/9/2003, hiện đang sống với cha, mẹ.

Do ông N không lo làm ăn, tối ngày rượu chè say sưa, về nhà còn đánh đập vợ con, chính quyền địa phương hoà giải nhiều lần ông N hứa sửa đổi nhưng vẫn tánh nào tăt nấy. Nhận thấy, vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được.

*Bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Lê Văn N;

- Về con chung: Tuỳ theo nguyện vọng của cháu Lê Thị Anh T, muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng và người không trực tiếp nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn hai người con còn lại đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, **nên không yêu cầu giải quyết.**

*Ông Lê Văn N có ý kiến như sau: Về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung ông thống nhất theo lời trình bày của bà Lê Thị B. Ông không có ăn nhậu về đánh đập vợ con như lời trình bày của bà B, thời gian sống ly thân khoảng 01 tháng nay.

- Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ, con;

- Về con chung: Nếu Toà án giải quyết theo yêu cầu của bà B thì ông yêu cầu được nuôi cháu Lê Thị Anh T, sinh ngày 03/9/2003 và không yêu cầu cấp dưỡng. Còn hai người con còn lại đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, **nên không yêu cầu giải quyết.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên toà, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng: Tại phiên toà, bị đơn ông Lê Văn N vắng mặt nhưng có yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn Nửa.

- Về quan hệ hôn nhân: **Từ năm 1991 đến nay**, bà Lê Thị B và ông Lê Văn N **tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.** Căn cứ vào Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông N. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Trong thời kỳ chung sống như vợ chồng, bà B và ông N có 03 con chung tên là Lê Hoàng Khải, sinh ngày 11/11/1993, Lê Nguyễn Khải Hoàng, sinh ngày 27/11/1996 và Lê Thị Anh T, sinh ngày 03/9/2003. Ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Anh T và không yêu cầu cấp dưỡng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, các khoản 1, 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Xét thấy, cháu Anh Thư có nguyện vọng sống chung với cha, người con này từ nhỏ đã được người cha chăm sóc nuôi dưỡng tốt, người mẹ cũng đồng ý theo nguyện vọng của con, cho nên phải giao cho người cha trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý. Nếu sau này người cha nuôi dưỡng không tốt thì người mẹ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ông N, giao cháu Lê Thị Anh T, sinh ngày 03/9/2003 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này cho bà B, không ai được ngăn cản. Còn hai người con chung còn lại đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông N đối với bà B.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Buộc bà B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

**Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 9, 14, 71, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định

của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B, tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị B và ông Lê Văn N.

2) Về con chung: Ông N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Anh T, sinh ngày 03/9/2003 đến tuổi trưởng thành, bà B được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản. Còn hai người con chung còn lại là Lê Hoàng Khải, sinh ngày 11/11/1993 và Lê Nguyễn Khải Hoàng, sinh ngày 27/11/1996 đều đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông N đối với bà B.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0007601, ngày 07/8/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách. Như vậy, bà B đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Vinh Thắng